

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST

Ngày 14 - 01- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Trọng Lâm

- Bà Nguyễn Thị Dung

- Ông Phan Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Bình Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1965, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 01/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn B, sinh năm 1933 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1937; Vợ là Phạm Thị L, sinh năm 1972 và có 03 con, con lớn sinh năm 1996, 02 con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Từ năm 1987 đến năm 1989, đi bộ đội đóng quân tại Hải Dương; bị tạm giữ từ ngày 14/8/2018 đến ngày 23/8/2018 chuyển tạm giam; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Ngọc T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở tư pháp tỉnh Thái Bình.

Bị hại: Bà Lê Thị B, sinh năm 1960 (đã chết); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

- Ông Phạm Văn V, sinh năm 1961 (Vắng mặt)
- Anh Phạm Văn H, sinh năm 1983 (Có mặt)
- Anh Phạm Văn V, sinh năm 1987 (Có mặt)
- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984 (Có mặt)

Điều cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Những người làm chứng:

- Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1975 (Vắng mặt)
- Bà Trần Thị H, sinh năm 1941 (Vắng mặt)

Điều cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Anh Phạm Văn C, sinh năm 1963 (Vắng mặt)
- Chị Phạm Thị L, sinh năm 1972 (Có mặt)
- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1959 (Có mặt)

Điều cư trú: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 14/8/2018, bị cáo Phạm Văn T mang theo dao tông, kích thước: dài 36cm bản rộng 8,5cm, lưỡi dao bằng kim loại sắc ra bờ sông Đ để cắt dọc khoai. Khi đang cắt dọc khoai, bà Lê Thị B là chị dâu của T, đến gần chỗ T để vớt bèo. Khi đứng trên bờ, bà B chửi T, T không nói gì. Sau đó, khi đi xuống mép bờ sông, cách vị trí T đứng khoảng 02m để vớt bèo, bà B vẫn tiếp tục chửi T, T tức giận chửi lại. Hai bên lời qua tiếng lại. Do bức xúc, T chạy đến đứng đối diện cách bà B khoảng 70-80cm, tay phải cầm dao giơ lên cao qua đầu, tiến một bước về phía bà B, đồng thời chém 01 nhát từ trên xuống dưới, từ sau ra trước vào vùng đầu bà B. Thấy vậy, bà B bước lùi về phía sau nên phần lưỡi dao trúng vào vai bên trái. Bà B bỏ chạy ngược về phía nhà và nhảy xuống sông Đ, lội sông

đi theo hướng về phía vườn nhà bà Trần Thị H. T cầm dao tiếp tục đuổi theo bà B. Khi lên bờ, bà B chạy theo lối lên nhà bà H vừa chạy vừa kêu cứu. Nghe thấy tiếng kêu cứu, bà H mở cửa thì nhìn thấy bà B vừa ôm đầu vừa chạy qua sân nhà mình, còn T tay phải cầm dao đuổi phía sau cách bà B khoảng 10 mét. Thấy vậy, bà H yêu cầu T đưa dao cho bà nhưng T không đưa và tiếp tục đuổi theo sau bà B vừa đuổi vừa chửi “Đ. mẹ chém chết”. Khi chạy qua nhà bà H khoảng 30 mét đến đoạn ngõ giáp với vườn nhà chị Phạm Thị T thì T đuổi cách bà B khoảng 70 – 80 cm, tay phải T cầm dao giơ lên qua đầu chém nhiều nhất từ sau ra trước, từ trên xuống dưới vào vùng đầu bà B, lúc này bà B đưa tay trái lên đỡ thì phần lưỡi dao trúng vào tay và đầu bà B; bà B ngã xuống đất nằm nghiêng, đầu bà B hướng ra ngõ, chân hướng về phía T. T tiếp tục tiến sát vị trí bà B nằm và cúi thấp người đưa tay phải cầm dao lên cao chém liên tiếp nhiều nhất, từ trên xuống dưới trúng vùng đầu và phần tai bên trái bà B. Cùng lúc này, anh Phạm Văn H1 mở cổng chạy ra ngõ thì nhìn thấy T đang cầm dao chém bà B, anh H hô to “T ơi, thôi, mày giết bà ấy rồi”. T thấy bà B bất tỉnh không phản ứng gì, nghĩ bà B đã chết, nên T cầm dao vừa chém bà B, đi ra phía đường liên thôn, thì gặp anh Phạm Văn H (con bà B) đi xe máy đến, T không nói gì tiếp tục đi nhanh ra chợ Đ, gặp vợ là chị Phạm Thị L. T nói “tao chém chết cái B rồi, mày trốn đi không chồng con nó chém chết đấy”. Sau đó, T cầm dao đi về nhà anh Phạm Văn C (là anh vợ T) thông báo với anh C việc T đã chém chết bà B và đưa con dao cho anh C, sau đó T đi bộ sang nhà chị Phạm Thị N (là chị gái của T) ngồi.

Khoảng 06 giờ cùng ngày, lực lượng Công an triệu tập T về trụ sở để làm việc, T đã lấy lại con dao dùng chém bà B nộp cho cơ quan Công an. Bà Lê Thị B bị thương nặng, được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện, đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 14/8/2018, bà B chết.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 14/8/2018, sơ đồ và bản ảnh hiện trường thể hiện: Hiện trường xác định cách nhà bà B, nhà T 64,5 mét về phía Đông Bắc:

+ Tại vị trí lề đất đường liên thôn và sông Đ thấy trồng cây khoai nước và rau muống có dấu vết gãy đổ dập nát; cách đường bê tông 92cm về hướng Đông Nam có dấu vết in hình đế dép quay ra sông, cách mép đường liên thôn 1,4 mét ở khu vực cây khoai nước và rau muống có 02 chiếc dép nằm sát mép nước trên các cây rau muống hai chiếc dép cách nhau 83cm (một dép lê nhựa màu trắng dài 24cm dạng tổ ong dép ở chân trái trên dép ghi chữ Đức Trung; một chiếc dép lê nhựa màu xanh ở chân phải dài 26cm trên dép ghi chữ Nsport màu đỏ; cả hai dép bề mặt dính bùn đất).

+ Sông Đ có chiều rộng 6,7 mét, độ sâu 1,3 mét. Bờ sông phía Đông Nam thuộc thôn T, xã Đ, thành phố T. Tại vị trí vườn rau nhà bà H có một lối đi từ bờ sông lên nhà bà H, lối đi này là nền đất và rải rác lát gạch mộc rêu xanh; toàn bộ lối đi trên rải rác có vết tạp chất màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt; Từ lối đi trên vào đến sân nền bê tông trước cửa nhà bà H rải rác có vết tạp chất màu nâu dạng nhỏ giọt hướng đi ra cổng nhà bà H.

+ Từ cổng nhà bà H ra ngõ của thôn T, nền ngõ bê tông rộng 2,7 mét, rải rác có vết tạp chất màu nâu đỏ dạng nhỏ giọt đến vị trí trên mặt ngõ giáp bờ tường dậu của nhà bà T có đám tạp chất màu nâu đỏ dạng vũng, xung quanh là các vết có dạng nhỏ giọt và tia bắn; tâm vũng tạp chất trên cách tường dậu nhà bà T 30cm bề mặt bám dính tóc và cây cỏ dập nát; cách tâm vết về phía Đông Bắc 0,8 mét và cách tường dậu nhà bà T 1,1 mét trên mặt ngõ có một đám tóc màu đen bám dính tạp chất màu nâu đỏ.

- Biên bản Khám nghiệm tử thi, bản ảnh tử thi Lê Thị B do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình lập ngày 14/8/2018 thể hiện: Đỉnh đầu bên phải có thương tích khâu dọc từ trước về sau, mép sắc gọn dài 9cm; Vùng thái dương bên trái cách đuôi sụn vành tai 2,5cm có vết thương thương nằm ngang mép sắc gọn dài 3cm; Vùng thái dương bên trái cách đuôi sụn vành tai 2,5cm có vết thương thương nằm ngang mép sắc gọn dài 11,5cm; Vùng thái dương bên trái (song song vết 03) cách chân sụn vành tai 1,5cm có vết thương nằm ngang mép sắc gọn dài 15cm; Vùng mặt bên trái từ đuôi mắt trái đứt qua sụn vành tai có vết thương dài 8cm; Đứt ngang giữa sụn vành tai trái dài 3,5cm; Sau chân sụn vành tai trái có vết thương đã khâu nằm ngang dài 2cm; Vùng sau cổ có vết thương nằm ngang mép sắc gọn dài 7cm; Vùng sau vai phải có vết đứt da hướng từ trên xuống dưới dài 6cm. Cuối vết này có vết thương xước da hình chữ V cạnh 5cm và 12cm; 1/3 trên mặt sau cằm tay phải có vết xây sát da bầm máu đo 9x2cm; Mặt sau cổ tay phải có vết đứt da nằm ngang dài 02cm; Mỏm vai trái có vết xây sát da bầm máu đo 13x8cm; 1/3 giữa mặt sau ngoài cánh tay trái có vết đứt da mép sắc gọn đo 3,5x1cm xung quanh sưng nề bầm máu đo 21x5cm; 1/3 dưới mặt trước ngoài cằm tay trái có vết đứt da cơ xương đo 12x4cm; Mu bàn tay trái tương ứng đốt bàn ngón 3 có vết đứt da mép sắc gọn đo 3,5x0,5cm. Phẫu thuật tử thi lột da vùng đầu thấy: Vỡ xương sọ vùng thái dương bên phải dài 11cm. Đứt xương sọ vùng thái dương bên trái thành 2 vết, vết trên dài 9cm, vết dưới dài 7cm làm xương sọ vỡ rời. Tụ máu và dập não bán cầu trái.

- Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 109/PY/PC54 ngày 19/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: bà Lê Thị B bị đa vết

thương vùng đầu, mặt và toàn thân do vật sắc tác động; sây sát da bầm máu vùng tay phải và vai trái do trà sát với vật cứng. Các vết thương vùng đầu làm đứt xương sọ, dập não, tụ máu não. Bà B chết do chấn thương sọ não và sốc đa chấn thương.

- Bản kết luận giám định số 4585/C09(TT3) ngày 30/9/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Các dấu vết ghi thu tại hiện trường ký hiệu M1, M2 đều là máu của tử thi Lê Thị B. Trên con dao ký hiệu M3 có dính máu của tử thi Lê Thị B.

- Bản kết luận giám định số 320/KLGD-PC09 ngày 14/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu nước tiểu thu của Phạm Văn T không chứa chất ma túy.

Cáo trạng số 59/CT-VKSTB ngày 26/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố Phạm Văn T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Giết người”. Đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án từ 15 năm đến 16 năm tù. Ngoài ra, còn đề nghị áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T phát biểu quan điểm: Người bào chữa nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến việc bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có thời gian đi bộ đội từ năm 1987 đến năm 1989, để áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì, nhất trí với quan điểm của người bào chữa. Đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận và đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng, tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa và bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 9h20 phút ngày 14/8/2018, sơ đồ và bản ảnh hiện trường (bút lục số 98-99; 139); Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 109/PY/PC54 ngày 19/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 100); Bản kết luận giám định số 4585/C09(TT3) ngày 30/9/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (Bút lục số 112-113); Bản kết luận giám định số 320/KLGĐ-PC09 ngày 14/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 122); Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể lập hồi 7h20 phút ngày 14/8/2018 (Bút lục số 148); Lời khai của những người làm chứng là anh Phạm Văn H1 (Bút lục số 218-221); bà Trần Thị H (Bút lục số 234-239); anh Phạm Văn C (Bút lục số 188-193); anh Phạm Văn V (Bút lục số 194-199); Các biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, biên bản xem xét dấu vết trên quần áo, biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình lập (Bút lục số 103-108) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 5 giờ 30 phút đến 06 giờ ngày 14/8/2018, tại khu vực bờ sông Đ và khu vực ngõ giáp vườn nhà chị Phạm Thị T, thôn T, xã Đ, thành phố T, do mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống và bức xúc về việc bà Lê Thị B (là chị dâu T) đã chửi bị cáo, Phạm Văn T đã dùng dao, loại dao tông, kích thước dài 36cm, bản rộng 8,5cm, lưỡi dao sắc chém 01 nhát từ trên xuống dưới, từ sau ra trước vào vùng đầu bà B, bà B tránh nên T đã chém trúng vai bên trái bà B. Bà B bỏ chạy, T đuổi theo. Khi còn cách bà B khoảng 70 – 80cm, tay phải T cầm dao giơ lên qua

đầu chém nhiều nhất từ sau ra trước, từ trên xuống dưới vào vùng đầu bà B. Khi bà B ngã xuống đất, T tiếp tục tiến lại gần, tay phải cầm dao lên cao chém liên tiếp nhiều nhất, từ trên xuống dưới trúng vùng đầu và phần tai bên trái bà B. Bà Lê Thị B được mọi người đưa đi cấp cứu, đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bà B chết do chấn thương sọ não và sốc đa chấn thương.

Bị cáo Phạm Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, nên hành vi của bị cáo đã phạm tội “Giết người” với tình tiết “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 123. Tội giết người

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) ...

...

n) Có tính chất côn đồ;

...

2...

3...

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của bà Lê Thị B, gây mất mát đau thương rất lớn cho gia đình bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo rất quyết liệt, hung hãn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử lý nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, có như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Phạm Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Phạm Văn T là người có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ

năm 1987 đến 1989 và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xem xét lời bào chữa cho bị cáo của người bào chữa, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, buộc bị cáo phải cải tạo cách ly xã hội mới phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, và có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Những người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí cứu chữa, chi phí mai táng bị hại và tiền tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật. Vì vậy, về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét thấy, con dao loại dao tông kích thước dài 36cm bản rộng 8,5cm là công cụ phạm tội của bị cáo, cần tịch thu tiêu hủy; 01 dép ở bên chân trái dạng dép lê tổ ong bằng nhựa màu trắng; 01 dép ở bên chân phải dạng dép lê tổ ong bằng nhựa màu xanh; 01 vết tạp chất màu nâu đỏ nghi là máu thu tại mép bờ sông Đ; 01 vết tạp chất màu nâu đỏ nghi là máu thu tại vũng tạp chất màu nâu đỏ trên mặt ngõ giáp tường dậu vườn nhà bà H; 01 mẫu máu thu từ tử thi bà Lê Thị B; 01 áo ngắn tay màu xanh, cổ tròn; 01 quần lửng màu xanh không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Giết người”.

[2] Về hình phạt: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 18 (Mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 14/8/2018.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao loại dao tông kích thước: dài 36cm bản rộng 8,5cm lưỡi dao sắc; 01 dép ở bên chân trái dạng dép lê tổ ong bằng nhựa màu trắng; 01 dép ở bên chân phải dạng dép lê tổ ong bằng nhựa màu xanh; 01 vết tạp chất màu nâu đỏ nghi là máu thu tại mép bờ sông Đ; 01 vết tạp chất màu nâu đỏ nghi là máu thu tại vũng tạp chất màu nâu đỏ trên mặt ngõ giáp tường dậu vườn nhà bà H; 01 mẫu máu thu từ tử thi bà Lê Thị B; 01 áo ngắn tay màu xanh, cổ tròn; 01 quần lửng màu xanh (Các vật chứng trên đã chuyển Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2018).

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trở lời hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn T; người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn V, chị Phạm Thị H có mặt tại phiên tòa - có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 14/01/2019; Ông Phạm Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./

Nơi nhận:

- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Bình